TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2018/DS-ST
Ngày: 10/4/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Lý Chung

2. Bà Lê Như Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2017/TLST-DS ngày 22/6/2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa 06/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH I; địa chỉ: 97A đường N, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Ngọc Quỳnh S- Trưởng phòng ngân hàng bán lẻ; địa chỉ: 18/60 Đường B, Phường C, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy ủy quyền số 415/IVB-BOE/2016 ngày 19/10/2016 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Lê M, sinh năm 1975; địa chỉ: A11.12 chung cư Tân Phước số 153 đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2016, các bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng TNHH I có người đại diện theo uỷ quyền là ông Đinh Ngọc Quỳnh S trình bày:

Vào ngày 11/3/2015, Ngân hàng TNHH I đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế visa hạng vàng cho ông Ngô Lê M. Theo hợp đồng, các bên thoả thuận như sau:

Ngân hàng cấp cho ông M với hạn mức tín dụng là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng theo yêu cầu phát thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng (cá nhân) ngày 09/3/2015. Đến 13/8/2015, do khách hàng chậm thanh toán thẻ, ngân hàng đã thông báo và giảm mức tín dụng của khách hàng xuống còn 54.000.000 (năm mươi bốn triệu) đồng, hết hạn vào tháng 3/2017.

Ngày đến hạn thanh toán là ngày cuối cùng mà việc thanh toán số dư sao kê cuối kỳ của chủ thẻ tại ngân hàng được xem là đúng hạn. Ngày hết hạn thanh toán được quy định là 15 ngày kể từ ngày sao kê. Nếu ngày đến hạn thanh toán trùng vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì sẽ được dời sang ngày làm việc tiếp theo.

Sao kê được lập vào ngày 20 hàng tháng (đối với thẻ quốc tế Visa) và được Ngân hàng gởi tự động đến khách hàng theo địa chỉ thư điện tử.

Mức lãi suất, phí và cách tính lãi, phí được quy định chi tiết tại biểu lãi suất và phí dịch vụ do Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ. Ngân hàng có thể thay đổi Biểu lãi suất và phí dịch vụ trong quá trình sử dụng thẻ của chủ thẻ và sẽ thông báo cho chủ thẻ theo quy định tại Điều 13 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Cụ thể mức lãi, phí được áp dụng với ông Ngô Lê M như sau:

Phí thường niên: 300.000 đồng/thẻ/năm;

Phí vượt hạn mức: 8% (trên số vượt hạn mức);

Phí chậm thanh toán: 3% trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán. Tối thiểu 50.000 đồng.

Lãi suất cho vay: 20%/năm, từ ngày 05/9/2016 lãi suất cho vay là 15%/năm.

Tính đến ngày 18/7/2017, ông Ngô Lê M còn nợ ngân hàng số tiền 78.157.944 đồng (gồm giá trị các giao dịch thẻ: 45.974.878 đồng; lãi vay: 7.435.041 đồng; phí chậm thanh toán: 22.405.774 đồng; phí vượt hạn mức: 2.342.251 đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nhở ông Ngô Lê M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, nhưng đến nay ông M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Do đó Ngân hàng TNHH I làm đơn khởi kiện, yêu cầu ông Ngô Lê M thanh toán số tiền liên quan đến thẻ tín dụng quốc tế Visa tạm tính đến ngày 18/7/2017 là 78.157.944 đồng và toàn bộ án phí, chi phí liên quan phát sinh trong quá trình khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn yêu cầu ông Ngô Lê M thanh toán số tiền liên quan đến thẻ tín dụng quốc tế Visa tạm tính đến ngày 14/3/2018 là 106.878.247 (một trăm lẻ sáu triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi bảy) đồng, trong đó:

Giá trị giao dịch thẻ: 45.974.878 đồng;

Lãi vay: 12.362.638 đồng;

Phí chậm thanh toán: 44.064.803 đồng;

Phí vượt hạn mức: 4.475.928 đồng;

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chậm tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn theo Khoản 1 Điều 196 và thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng TNHH I và ông Ngô Lê M là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác M của Công an Phường Y, Quận Z thì ông Ngô Lê M, sinh năm 1975 có hộ khẩu thường trú tại 708 Chung cư 354/15B đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang tạm trú tại địa chỉ A11.12 Chung cư T, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 24/8/2015 cho đến nay; do đó tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để tham gia tố tụng tại Toà án. Do đó, căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về việc áp dụng luật nội dung: áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án

[3] Xét yêu cầu nguyên đơn:

Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn cung cấp: ngày 09/3/2015, ông Ngô Lê M đã đăng ký Đơn xin cấp thẻ tín dụng và ký kết hợp đồng với Ngân hàng TNHH I . Đến ngày 11/3/2015, Ngân hàng đã cấp cho ông M thẻ Visa hạng vàng số 4135350002001245 với hạn mức tín dụng với số tiền 75.000.000 đồng, việc giải ngân bằng hình thức ông M thực hiện các giao dịch rút tiền hoặc thanh toán tiền mua hàng; do đó đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá thực hiện việc sử dụng thẻ, ông M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số dư nợ thẻ với số tiền ít nhất bằng với số tiền thanh toán tối thiểu trên sao kê khi đến hạn thanh toán của các kỳ từ tháng 12/2015 đến nay.

Tính đến ngày 14/3/2018, theo Bảng chi tiết nợ và Bảng tính lãi, phí của khách hàng Ngô Lê M do ngân hàng lập ngày 06/3/2018 thì ông Ngô Lê M còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 45.974.878 đồng, lãi vay là 12.362.638 đồng, phí chậm thanh toán là 44.064.803 đồng, phí vượt hạn mức là 4.475.928 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như là thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử cho bị đơn để tham gia tố tụng tại Toà án nhưng ông M không có mặt tại Tòa, không cung cấp lời khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, theo quy định tại Khoản 2

Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng M , chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Việc bị đơn không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền được chứng M , phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về số nợ được chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy: ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Đơn xin cấp thẻ tín dụng và ký kết hợp đồng nên yêu cầu của ngân hàng về việc buộc ông M phải thanh toán số tiền gốc 45.974.878 đồng là có cơ sở.

Xét về lãi vay và các loại phí: lãi vay, phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức đã được các bên thỏa thuận; căn cứ vào Khoản 4 Điều 4 của Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ quốc tế do ngân hàng ban hành thì: "Mức lãi suất, phí, cách tính lãi, phí được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí dịch vụ do Ngân hàng TNHH I quy định trong từng thời kỳ"; căn cứ vào Quyết định số 753/IVB-BOE/2015 ngày 21/8/2015 về Biểu lãi suất và phí dịch vụ do ngân hàng quy định trong từng thời kỳ. Ngân hàng có thể thay đổi biểu lãi suất và phí dịch vụ trong quá trình sử dụng thẻ của chủ thẻ và sẽ thông báo cho chủ thẻ theo điều 13 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ thì Lãi suất vay áp dụng đối với ông Ngô Lê M là 20%/năm, từ ngày 05/9/2016 lãi suất cho vay là 15%/năm; phí thường niên: 300.000 đồng/thẻ/năm; phí vượt hạn mức: 8% (trên số vượt hạn mức); phí chậm thanh toán: 3% trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu 50.000 đồng; lãi suất cho vay theo quy định của ngân hàng việc thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 11, Điều 13 và Khoản 2 Điều 24 của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước); căn cứ vào Khoản 2 Điều 19 và Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng thì chủ thẻ có nghĩa vụ "Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ"; căn cứ vào Điều 8 của Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do Ngân hàng TNHH I ban hành đã quy định việc chuyển nợ quá hạn "kết thúc ngày thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán đủ số tiền tối thiểu tương ứng và không được IVB đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ, IVB có quyền khóa thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ thẻ sang nhóm nợ quá hạn; do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, buộc ông M thanh toán số tiền dư nợ từng kỳ, lãi suất cho vay và thời gian chậm thanh toán thì tính đến ngày 14/3/2018 cụ thể: số tiền lãi vay: 12.362.638 đồng; phí chậm thanh toán: 44.064.803 đồng; phí vượt hạn mức: 4.475.928 đồng.

Như vậy, tính đến hết ngày 14/3/2018, tổng số tiền ông Ngô Lê M phải trả cho Ngân hàng TNHH I là 106.878.247 đồng (một trăm lẻ sáu triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: " bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận (106.878.247 đồng) Vì vậy, số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 5.343.900 đồng (năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm đồng), nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

Hoàn trả số tiền án phí nguyên đơn đã nộp là 1.627.078 (một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0000851 ngày 03/01/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 10 cho Ngân hàng TNHH I .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 11, Điều 13 và Khoản 2 Điều 24 của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Căn cứ Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 19 và Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH I , buộc ông Ngô Lê M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TNHH I số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/3/2018 là 106.878.247 (một trăm lẻ sáu triệu, tám trăm bảy mươi tám đồng hai trăm bốn mươi bảy đồng) trong đó: giá trị giao dịch thẻ: 45.974.878 đồng; lãi vay: 12.362.638 đồng; phí chậm thanh toán: 44.064.803 đồng; phí vượt hạn mức: 4.475.928 đồng;

2. Ông Ngô Lê M phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 15/3/2018 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế visa của Ngân hàng

TNHH I ngày 11/3/2015 được ký kết giữa ông Ngô Lê M và Ngân hàng TNHH I .

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Lê M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 5.343.900 đồng (năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm đồng), nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả số tiền án phí nguyên đơn đã nộp là 1.627.078 (một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0000851 ngày 03/01/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11 cho Ngân hàng TNHH I .

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lại Thị Thu Thủy